

Số: /2026/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày tháng 8 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định danh mục nghề, ngư cụ cấm sử dụng khai thác thủy sản; danh mục khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn ở vùng ven bờ, vùng lộng và vùng nội địa trên địa bàn tỉnh Ninh Bình**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định danh mục nghề, ngư cụ cấm sử dụng khai thác thủy sản; danh mục khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn ở vùng ven bờ, vùng lộng và vùng nội địa trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.*

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định danh mục nghề, ngư cụ cấm sử dụng khai thác thủy sản; danh mục khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn ở vùng ven bờ, vùng lộng và vùng nội địa trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 8 năm 2026.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đ/c Chủ tịch, các đ/c PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Công báo;
- CPVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VP3, 2, 10.

Q\_V3

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Anh Dũng**

**QUY ĐỊNH****Danh mục nghề, ngư cụ cấm sử dụng khai thác thủy sản;  
danh mục khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn ở vùng ven bờ,  
vùng lòng và vùng nội địa trên địa bàn tỉnh Ninh Bình***(Ban hành kèm theo Quyết định số        /2026/QĐ-UBND)***Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng****1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định Danh mục nghề, ngư cụ cấm sử dụng khai thác thủy sản; danh mục khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn ở vùng ven bờ, vùng lòng và vùng nội địa trên địa bàn tỉnh Ninh Bình theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 13 Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 (được sửa đổi bổ sung bởi khoản 2 Điều 14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường số 146/2025/QH15).

**2. Đối tượng áp dụng**

Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh có hoạt động liên quan đến bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản; khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

**Điều 2. Danh mục nghề, ngư cụ cấm sử dụng khai thác thủy sản ở vùng ven bờ, vùng lòng và vùng nội địa trên địa bàn tỉnh****1. Nghề, ngư cụ cấm sử dụng khai thác thủy sản**

| <b>TT</b> | <b>Tên nghề, ngư cụ</b>                                                                                 | <b>Phạm vi cấm</b>                         |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
| 1         | Nghề lưới kéo (trừ lưới kéo moi/ruốc)                                                                   | Vùng ven bờ;<br>vùng nội địa               |
| 2         | Nghề lồng xếp (lò dây, bát quai, dón, lừ)                                                               | Vùng ven bờ;<br>vùng nội địa               |
| 3         | Nghề kết hợp ánh sáng (trừ nghề câu tay mực)                                                            | Vùng ven bờ                                |
| 4         | Các nghề: đáy; xãm; chẵn; xiệp; xích; te, xẻo kết hợp với tàu có gắn động cơ                            | Vùng ven bờ;<br>vùng nội địa               |
| 5         | Nghề cào đáy bằng khung sắt có kết hợp với tàu, máy kéo, bơm thổi (cào lươn, cào nhuyễn thể, banh lông) | Vùng lòng;<br>vùng ven bờ;<br>vùng nội địa |

2. Quy định kích thước mắt lưới tối thiểu tại bộ phận tập trung thủy sản với ngư cụ khai thác nguồn lợi thủy sản ở vùng biển

| TT | Tên loại ngư cụ                               | Kích thước mắt lưới quy định ((2a (mm))) |
|----|-----------------------------------------------|------------------------------------------|
| 1  | Rê trích                                      | 28                                       |
| 2  | Rê thu ngừ                                    | 90                                       |
| 3  | Rê mòi                                        | 60                                       |
| 4  | Vây, vó, mảnh, rùng hoạt động ngoài vù cá cơm | 20                                       |
| 5  | Nò, sáo, quăng                                | 18                                       |
| 6  | Các loại lưới đánh cá cơm                     | 10                                       |
| 7  | Lưới kéo hoạt động vùng lộng                  | 34                                       |
| 8  | Lưới chụp; lồng bẫy ở vùng lộng               | 40                                       |

3. Quy định kích thước mắt lưới tối thiểu tại bộ phận tập trung thủy sản đối với ngư cụ khai thác nguồn lợi thủy sản vùng nội địa

| 3 | Tên loại ngư cụ    | Kích thước mắt lưới quy định (2a (mm)) |
|---|--------------------|----------------------------------------|
| 1 | Lưới vây           | 18                                     |
| 2 | Đăng, nò, sáo      | 18                                     |
| 3 | Lưới rê (lưới bén) | 40                                     |
| 4 | Lưới rê (cá linh)  | 15                                     |
| 5 | Vó, rờ             | 20                                     |
| 6 | Chài các loại      | 15                                     |

**Điều 3. Danh mục khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn ở vùng ven bờ, vùng lộng và vùng nội địa trên địa bàn tỉnh**

| Tên khu vực             | Tỉnh      | Phạm vi/Tọa độ cấm                                                                                                                                                                          | Thời gian cấm hằng năm (Từ ngày đến ngày) |
|-------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|
| Vùng ven biển Ninh Bình | Ninh Bình | Trong phạm vi đường nối các điểm có tọa độ:<br>- C4a: (20°12'30"N, 106°26'50"E)<br>- C4b: (20°08'00"N, 106°31'00"E)<br>- C4c: (20°03'00"N, 106°24'00"E)<br>- C4d: (20°08'00"N, 106°19'30"E) | 01/4 - 30/6                               |

## **Điều 4. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành**

### **1. Sở Nông nghiệp và Môi trường**

a) Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện các nội dung, biện pháp quản lý Nhà nước và bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh, xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật hiện hành;

b) Hướng dẫn danh mục nghề, ngư cụ cấm, các hành vi bị nghiêm cấm trong khai thác thủy sản trong việc triển khai thực hiện quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản;

c) Tổng hợp tình hình và kết quả triển khai thực hiện, định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

### **2. Sở Tài chính**

Tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và khả năng cân đối ngân sách địa phương.

### **3. Sở Khoa học và Công nghệ**

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng bằng các hình thức đa dạng các quy định của pháp luật về khai thác thủy sản.

### **4. Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh**

a) Phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường trong việc triển khai các biện pháp quản lý Nhà nước về bảo vệ nguồn lợi thủy sản;

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các lực lượng chức năng xử lý các hành vi vi phạm liên quan đến bảo vệ nguồn lợi thủy sản theo quy định của pháp luật.

### **5. Công an tỉnh**

a) Phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường trong việc triển khai các biện pháp quản lý Nhà nước về bảo vệ nguồn lợi thủy sản;

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các lực lượng chức năng và Ủy ban nhân dân các xã, phường xử lý các hành vi vi phạm liên quan đến bảo vệ nguồn lợi thủy sản theo quy định của pháp luật.

### **6. Sở Công Thương**

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các lực lượng chức năng và Ủy ban nhân dân các xã, phường kiểm tra việc kinh doanh, buôn bán các loại ngư cụ cấm sử dụng tại các cửa hàng kinh doanh, buôn bán ngư cụ trên địa bàn tỉnh.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức xã hội nghề nghiệp

a) Tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến quy định này và các quy định khác về khai thác thủy sản đến các đoàn viên, hội viên và vận động các đoàn viên, hội viên thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về khai thác thủy sản;

b) Nâng cao, phát huy vai trò giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong việc theo dõi, phát hiện, phản ánh các hành vi vi phạm quy định về khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản; qua đó góp phần nâng cao hiệu quả thực thi chính sách, pháp luật trên địa bàn tỉnh.

### **Điều 5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các xã, phường**

1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về khai thác thủy sản; tổ chức triển khai thực hiện các nội dung, biện pháp quản lý nhà nước về bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn quản lý.

2. Chỉ đạo tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn quản lý.

3. Thực hiện tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật có liên quan và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh đến người dân và các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác thủy sản trên địa bàn; vận động người dân khai thác thủy sản trên địa bàn không sử dụng các loại nghề, ngư cụ cấm trong khai thác thủy sản; chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về khai thác thủy sản.

### **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm chấp hành nghiêm quy định này; không sử dụng nghề, ngư cụ cấm để khai thác thủy sản; không hoạt động khai thác thủy sản trong thời gian cấm khai thác tại khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định nếu có khó khăn, vướng mắc, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) để kịp thời chỉ đạo, giải quyết./.